

Đồng Nai, ngày 24 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 3 NĂM GẦN NHẤT

Giai đoạn 2014-2016 tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Nền kinh tế sau giai đoạn khủng hoảng phục hồi chậm hơn so với dự báo. Nhiều nước công nghiệp phát triển đã điều chỉnh mạnh chính sách để bảo hộ sản xuất trong nước, cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực và diễn biến phức tạp trên Biển Đông... Thực trạng trên tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta nói chung và tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm nói riêng.

I. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm trước

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, sự hỗ trợ tích cực của các Sở Ban Ngành, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể CB, CNV- LĐ, trong giai đoạn 2014 – 2016, Tổng công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Bảng 1: Kết quả sản xuất – kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.369	8.023	7.164	6.260
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	620	1.385	691	558
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.781	2.066	1.786	1.770

II. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm

2.1 Dự án Khu liên hợp Công nông nghiệp DOFICO

Từ năm 2014 đến nay, dự án Khu liên hợp Công nông nghiệp DOFICO là một trong những dự án trọng điểm của Tổng công ty. Tính đến cuối năm 2016 dự án đã có những bước thực hiện như sau:

- Tổng công ty đã phối hợp với Hội đồng bồi thường hỗ trợ huyện Xuân Lộc để thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về thu hồi đất và đến nay tổng cộng diện tích đã bồi thường hỗ trợ để thu hồi đất được 867,4 ha (bằng 44,89% diện tích quy hoạch sau khi đã điều chỉnh).

- Tổng công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật môi trường Lam Sơn lập hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường cho toàn bộ các phân khu của dự án.

- Tổng công ty đã lập hồ sơ xin cấp Giấy Chứng nhận đầu tư cho tất cả các phân khu của dự án và đến nay UBND tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư 4/5 Phân khu của dự án.

- Về đầu tư hạ tầng: Tại Phân khu 3A đã đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, mương thoát nước, các hạng mục xử lý môi trường và công trình điện sẽ phối hợp triển khai với các nhà đầu tư thứ cấp. Các phân khu còn lại, đang hoàn tất các thủ tục về đầu tư và giải phóng mặt bằng.

2.2 Dự án Khu du lịch và dân cư Bửu Long

- Tổng công ty đang xúc tiến việc điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch và dân cư Bửu Long tại thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, làm cơ sở cho việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi triển khai dự án và bố trí lại các phân khu chức năng.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để rà soát và lập phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó thống kê và phân loại số lượng hộ dân tái định cư.

- Hoàn tất các thủ tục có liên quan về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu du lịch Bửu Long hiện hữu diện tích khoảng 45,228 ha.

III. Thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn 2014–2016

3.1 Những thuận lợi

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh và các Sở ban ngành; Tổng công ty đã luôn phấn đấu xây dựng và tích lũy nguồn lực để làm tiền đề vững chắc cho sự phát triển.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được hình thành và hoạt động trên nền tảng Công ty mẹ - Công ty con. Điều này tạo ra sự liên kết về vốn, nhân sự và kỹ thuật công nghệ; hình thành nguồn lực vững mạnh trong quá trình hội nhập và cạnh tranh.

Công tác sử dụng vốn của Tổng công ty luôn được chú trọng, việc sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm đã đem lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là trong việc sử dụng hiệu quả vốn vay của các tổ chức tín dụng đã giúp cho Tổng công ty đạt được nhiều lợi nhuận trong năm.

3.2 Những khó khăn chủ yếu

Nền kinh tế trong nước có chiều hướng phục hồi trong giai đoạn năm 2015-2016, nhưng vẫn chưa thật sự ổn định và bền vững, tốc độ tăng trưởng chưa cao. Tiến trình mở cửa thị trường ở cấp độ khu vực, quốc tế được đẩy mạnh hơn, áp lực cạnh tranh, xâm nhập thị trường từ các tập đoàn đa quốc gia đối với doanh nghiệp nội địa ngày càng lớn. Cùng với quá trình hội nhập và tăng trưởng kinh tế, thu nhập của dân cư tăng ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng theo hướng hàng hóa có giá trị và thương hiệu cao cấp. Nhìn chung trong những năm gần đây, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá cả tiếp tục biến động tăng giảm đã làm ảnh hưởng đến các hoạt động thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh, và phát triển chăn nuôi trong toàn tổ hợp Tổng công ty.

Ngành sản xuất thuốc lá điều – sản phẩm sản xuất chính của Công ty mẹ đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đối thủ cạnh tranh và vấn nạn thuốc lá lậu vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp. Việc in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên sản phẩm không những làm tăng chi phí sản xuất mà còn ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. Bên cạnh đó, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng thuốc lá tăng từ 65% lên 70% từ ngày 01/01/2016, khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá tăng từ 1% lên 1,5% từ ngày 01/5/2016, các đơn vị sản xuất phải điều chỉnh tăng giá bán thuốc lá điều để bảo đảm duy trì sản xuất. Nhu cầu tiêu dùng thuốc lá của xã hội có xu hướng chuyển dần từ các loại thuốc lá bình dân sang các sản phẩm trung, cao cấp ... đã làm cho việc tiêu thụ sản phẩm thuốc lá điều của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

3.3 Kế hoạch trong tương lai

Kế thừa những thành quả đã được trong các năm qua, xác định những cơ hội cũng như những khó khăn trong những năm tiếp theo, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã đề ra những kế hoạch trong giai đoạn tới như sau:

- Cụ thể hóa các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty giai đoạn 5 năm 2016-2020 theo Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục quá trình thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch phát triển bền vững cho các đơn vị thành viên sẽ là trọng tâm trong giai đoạn này; kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, tập trung nguồn vốn của Tổng công ty vào các ngành nghề có khả năng sinh lợi cao.

- Phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ để đào tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý kế thừa cho Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên; song song đó cải thiện môi trường làm việc, xây dựng các chính sách, chế độ phù hợp tạo động lực cho người lao động làm việc hăng say lao động góp phần nâng cao năng suất lao động.

IV. Tình hình đầu tư tại các công ty con

4.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con (Tổng công ty nắm trên 50% vốn điều lệ) trong 03 năm 2014, 2015 và 2016

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Tên doanh nghiệp	2014	2015	2016
1	Cty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	31.740	31.740	31.740
2	Cty CP Nông súc sản Đồng Nai	28.847	28.847	28.847
3	Cty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	72.108	72.108	72.108
4	Cty TNHH MTV Xây dựng và SX VLXD Biên Hòa	367.000		

5	Cty CP Xây dựng và SX VLXD Biên Hòa		316.770	316.770
6	Cty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	32.695	32.695	32.695
7	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	33.101	33.101	33.101
8	Cty CP Sản xuất TMDV Đồng Nai	21.342	21.342	21.342
9	Cty CP Bao bì Biên Hòa	54.421	65.888	65.888
10	Cty CP Du lịch Đồng Nai	32.800		
11	Cty TNHH MTV Thọ Vực	17.829	17.829	17.829
12	Cty TNHH MTV Cao su Công nghiệp	121	121	121
13	Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	54.276	200	200
14	Cty CP Xuất nhập khẩu Biên Hòa	33.929		
15	Cty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai	6.630		
Tổng cộng		907.718	941.320	941.320

4.2 Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con (Tổng công ty nắm trên 50% vốn điều lệ) trong 03 năm 2014, 2015 và 2016

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2014

Chủ sở hữu: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nợ ngân sách (triệu đồng)
I.	Công ty TNHH MTV	1.034.632	132.541	173.250
1	Công ty TNHH MTV XD&SX VLXD Biên Hòa	875.527	115.574	164.796
2	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	62.649	14.475	6.235
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	61.780	2.295	2.170
4	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	34.676	197	49
II.	Công ty cổ phần có vốn trên 50%	3.943.943	220.959	95.570
1	Công ty CP Bao bì Biên Hoà	1.137.611	75.409	34.647
2	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	160.718	45.807	4.234
3	Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	271.698	72.298	16.225
4	Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	350.871	15.836	5.537
5	Công ty CP Du lịch Đồng Nai	159.613	13.499	11.733

6	Công ty CP VLXD & Chất đốt Đồng Nai	1.154.611	14.440	8.738
7	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Đồng Nai	83.316	3.505	668
8	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Biên Hoà	102.838	(26.311)	1.096
9	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	301.116	6.272	8.897
10	Công ty CP SX TM DV Đồng Nai	221.551	200	3.795

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2015
Chủ sở hữu: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nợ ngân sách (triệu đồng)
I.	Công ty TNHH MTV	1.906.947	138.949	182.616
1	Công ty TNHH MTV XD&SX VLXD Biên Hòa (đến 31/10/2015)	732.710	91.877	153.639
2	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	46.754	8.305	4.873
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long			
	- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	52.252	5.388	874
	- Công ty CP VLXD & Chất đốt Đồng Nai (Công ty cấp III)	861.158	19.559	11.398
	- Công ty CP Du Lịch Đồng Nai (Công ty cấp III)	184.440	13.218	11.739
4	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	29.633	602	93
II.	Công ty cổ phần có vốn trên 50%	3.649.381	1.030.904	248.326
1	Công ty CP Bao bì Biên Hoà	1.348.446	84.007	45.975
2	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	940.726	829.304	109.735
3	Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	241.255	63.231	11.228
4	Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	288.832	3.106	2.754
5	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Đồng Nai	126.935	3.232	1.345
6	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	322.686	5.868	2.417
7	Công ty CP SX TM DV Đồng Nai	193.680	2.891	3.891
8	Công ty CP XD&SX VLXD Biên Hòa	186.801	39.265	70.981

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2016

Chủ sở hữu: Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)
I.	Công ty TNHH MTV	1.069.299	44.842	95.072
1	Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp	53.294	7.139	5.183
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long			
	- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	84.522	8.588	1.420
	- Công ty CP VLXD & Chất đốt Đồng Nai (Công ty cấp III)	709.489	18.729	77.264
	- Công ty CP Du Lịch Đồng Nai (Công ty cấp III)	207.104	10.196	11.069
4	Công ty TNHH MTV Thọ Vực	14.890	190	136
II.	Công ty cổ phần có vốn trên 50%	4.073.401	356.541	310.263
1	Công ty CP Bao bì Biên Hoà	1.390.240	74.654	60.209
2	Công ty CP Xây dựng & Sản xuất VLXD Biên Hòa	1.227.717	183.845	218.693
3	Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai	156.118	30.160	7.974
4	Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn	246.348	54.847	11.342
5	Công ty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	328.308	1.007	1.862
6	Công ty CP Xuất Nhập khẩu Đồng Nai	226.844	3.039	1.779
7	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	323.097	5.150	3.598
8	Công ty CP SX TM DV Đồng Nai	174.730	3.839	4.806

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hiệu



BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
	Thuốc lá điều	triệu bao	410	420	351	378
	Thịt heo, gà, t.phẩm chế biến	tấn	721	458	524	543
	Mủ cao su RSS	tấn	1.345	1.300	1.270	1.564
	Đá xây dựng các loại	1000m3	6.546	6.693	6.031	6.852
	Bao bì giấy các loại	tấn	73.036	69.878	75.000	86.500
	Gỗ dán các loại	m3	3.939	3.358	3.000	2.500
	Quần áo gia công XK	1000sp	418	421	270	400
	Sữa tươi các loại	tấn	9.055	9.913	10.100	11.265
	Bánh sữa, kẹo sữa	tấn	152	0	0	0
	Heo giống, heo thịt	tấn	6.293	6.001	6.320	7.248
	Nông sản	tấn	29.129	7.967	9.300	10.500
	Xăng dầu các loại	1000 lít	57.468	62.754	57.408	59.217
	Xe gắn máy	chiếc	5.810	4.806	5.660	5.047
	Phân bón hoá học các loại	tấn	29.035	32.575	32.000	35.844
	Dịch vụ Du lịch	Triệu đồng	102.727	109.624	139.799	909.359
	Cho thuê kho, mặt bằng	Triệu đồng	15.415	14.916	12.400	15.807
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.369	8.023	7.164	6.260
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	620	1.385	691	558
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.781	2.066	1.786	1.770
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	21.929	17.570	14.788	12.832
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“	704.958	489.137	514.001	
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	8.935	8.793	7.218	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	700	876	649	
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng				
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng				

